



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

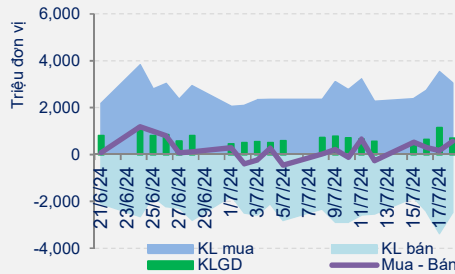
18/7/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

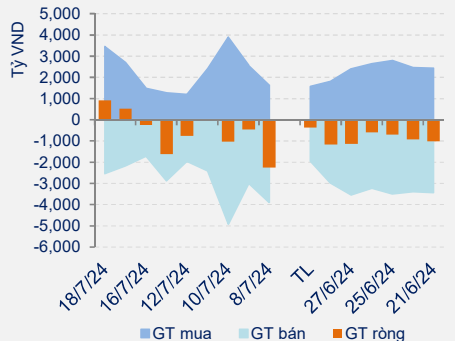
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,274.44	242.49
% Thay đổi	↑ 0.46%	↑ 0.66%
KLGD (CP)	698,661,955	56,573,392
GTGD (tỷ đồng)	19,088.33	1,249.11
Tổng cung (CP)	2,490,931,114	86,847,500
Tổng cầu (CP)	3,053,803,593	80,464,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	67,994,977	5,535,381
KL mua (CP)	110,306,028	4,600,929
GT mua (tỷ đồng)	3,446.32	202.35
GT bán (tỷ đồng)	2,532.65	259.59
GT ròng (tỷ đồng)	913.67	(57.23)

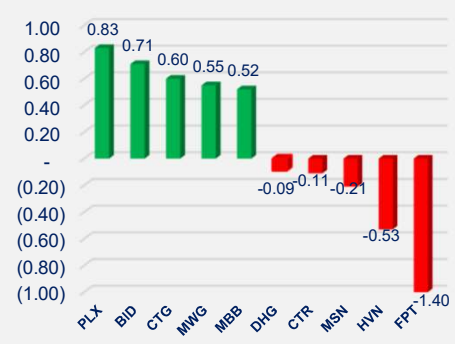
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch giảm điểm hôm qua thị trường mở cửa phiên sáng nay trong sắc xanh và VN-INDEX giao dịch thận trọng trong biên độ hẹp. Áp lực bán chỉ mạnh lên trong phiên chiều khiến VN-INDEX có thời điểm giảm xuống vùng 1.256,21 điểm trước khi lực cầu gia tăng giúp thị trường phục hồi, VN-INDEX kết phiên tăng +5,78 điểm (+0,46%) lên mốc 1.274,44 điểm. HNX-INDEX kết phiên tại mốc 242,49 điểm (+1,01 điểm, tương ứng +0,08%). Độ rộng thị trường tích cực nghiêng về bên mua với 214 cổ phiếu tăng giá, 109 cổ phiếu giảm giá, 45 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 89 cổ phiếu tăng giá, 54 cổ phiếu tham chiếu và 74 cổ phiếu giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn giảm so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh -44,4% tại HOSE và -39,7% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục đà mua ròng với +967,12 tỷ đồng tại HOSE tập trung tại mã HDB (+492,5 tỷ), STB (+344 tỷ), SAB (+161,5 tỷ) và MWG (+130,6 tỷ)...ở chiều ngược lại, bán ròng vẫn tiếp tục tại mã VHM (-32,8 tỷ), bên cạnh đó là FPT (-352 tỷ), MSN (-122,5 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -57,27 tỷ đồng, nổi bật với PVI (-79,5 tỷ), TIG (-1,8 tỷ), DHT (-1,5 tỷ)...ngược lại chiều mua ròng tại các mã IDC (+10,3 tỷ), PVS (+5,6 tỷ) và TNG (+4,5 tỷ)...

Thị trường giao dịch hôm nay với tin tích cực đến từ thống kê 6 tháng đầu năm, kiều hối chuyển về TP.HCM đạt gần 5,2 tỷ USD bằng 54,7% cả năm 2023. So với cùng kỳ, kiều hối 6 tháng đầu năm cũng tăng 19,5%. Ông Nguyễn Đức Lệnh, phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP.HCM, cho biết tính riêng quý 2, kiều hối chuyển về đạt 2.309 tỉ USD, tăng 4,2% so với quý 2-2023. Trong đó, kiều hối chuyển về từ khu vực châu Á vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất 56,1% và tăng 48,5% so với cùng kỳ.

Cũng theo ông Lệnh, yếu tố nguồn nhân lực và thị trường lao động tiếp tục là các yếu tố tác động tích cực đến lượng kiều hối chuyển về từ khu vực này trong 6 tháng đầu năm 2024.

Nhóm ngành đóng vai trò trụ cột trong phiên hôm nay tiếp tục là Ngân hàng với MBB (+1,6%), BID (+1%), ACB (+1,2%)...bên cạnh đó góp phần cho sự tăng điểm của thị trường là Dầu Khí với các mã PVB (+1,71%), PLX (+5,56%), PVS (+2,2%), PVC (+2,1%)...

Ngoài nhóm Dầu Khí, một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến ấn tượng như Truyền Thông, tiêu biểu có YEG (+6,86%), PNC (+6,48%)... Nhóm Bất Động Sản phục hồi tốt với HDG (+5%), CEO (+1,2%), NVL (+2,1%), CII (+1,2%)... nhóm cổ phiếu Bán Lẻ giao dịch trong sắc xanh với MWG (+2,36%), DGW (+2,34%), PET (+4,69%)... Ngành Bảo Hiểm cũng có những diễn biến ấn tượng với trụ BVH (+1,29%), bên cạnh đó là MIG (+2,63%), BMI (+2,77%), BIC (+3,84%)...

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã giảm điểm như ngành Công Nghệ Thông Tin với FPT (-3,03%), ITD (-0,32%), ST8 (-0,95%)... nhóm ngành Dược và Y Tế tiếp tục diễn biến điều chỉnh với DHG (-2,38%), IMP (-2,19%), DVN (-7,53%), DBD (-2,33%), DVM (-3,79%), PBC (-7,6%)... Đa số cổ phiếu ngành Du Lịch và Giải Trí có một phiên giao dịch trong sắc đỏ, cụ thể là HVN (-3,44%), TCT (-0,99%), VNG (-1,11%), SAS (-3,7%), HRT (-4,1%)...

Phiên đáo hạn phái sinh tháng 7 hôm nay, hợp đồng VN30F2407 giảm -5,7 điểm (-0,44%), đóng cửa tại 1.297,5 điểm, chênh lệch -8,88 điểm so với VN30. Hợp đồng phái sinh tháng 8 VN30F2408 tăng +4,2 điểm (+0,32%), chênh lệch +1,32 điểm so với VN30. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch lần lượt +1,02 và +2,62 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -23,3% so với phiên trước, và thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2408 vẫn vận động trong vùng 1.280 đến 1.320 điểm. Khối lượng mở OI hôm nay là 27.871 sụt giảm mạnh so với phiên gần nhất là 44.064 cho thấy xu hướng chủ động tắt toán các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau áp lực bán mạnh khá bất ngờ ở các nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình, nhỏ trong cuối phiên hôm qua. VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về quanh 1.255 điểm, tương ứng vùng hỗ trợ của kênh tích lũy ngắn trung hạn đang kéo dài, cũng như đường xu hướng ngắn hạn nối các vùng giá thấp của tháng 04/2024 và 07/2024 đến nay (theo hình). VN-INDEX có 02 phiên phục hồi ở vùng hỗ trợ này, kết phiên VN-INDEX tăng 5,78 điểm (+0,46%) lên mức 1.274,44 điểm, trong khi VN30 tăng 1,01 điểm quay trở lại vùng giá cao nhất tháng 3/2024 quanh 1.307 điểm sau nhiều tháng liên tiếp chưa thể vượt lên.

Ngắn hạn, như chúng tôi kỳ vọng, VN-INDEX đang phục hồi trở lại vượt lên lại đường giá trung bình 20 phiên gần nhất, mức độ phục hồi tương đối tốt. VN-INDEX vẫn tích lũy kém tích cực trong vùng giá 1.250 điểm - 1.275 điểm tương ứng nửa dưới kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm đang kéo dài. Để xu hướng VN-INDEX cải thiện tốt hơn, trong ngắn hạn VN-INDEX cần vượt lên vùng kháng cự quanh 1.285 điểm và vượt lên xu hướng tích lũy trong biên độ hẹp kéo dài hiện nay. Điểm tích khả tích cực hiện nay là thanh khoản của VN-INDEX sau thời gian dài suy giảm đang cải thiện khá tốt với giá trị giao dịch trung bình 03 phiên gần đây trên 20 ngàn tỉ đồng, cho thấy dòng tiền cải thiện khá tốt.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX duy trì tích lũy với biên độ hẹp dần trong vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm đến 1.300 điểm, nửa trên của kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới cần đánh giá cân trọng dựa trên kết quả kinh doanh quý II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành. Đối với chỉ số VN-INDEX nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ thoát khỏi xu hướng tích lũy ngắn trung hạn kéo dài hiện nay, trước khi có các quyết định mới. Nhà đầu tư tỉ trọng dưới mức trung bình, xem xét chọn lọc giải ngân khi VN-INDEX ở vùng giá quanh 1.250 điểm. Mục tiêu các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có có kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, triển vọng tích cực trong cuối năm.

Chúng tôi đã xem xét mở rộng danh mục theo dõi giải ngân khi VN-INDEX về quanh vùng 1.250 điểm, với các mức dừng lỗ ngắn hạn kiểm soát theo vùng hỗ trợ quanh 1.245 điểm - 1.250 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023 của VN-INDEX, quý nhà đầu tư có thể tham khảo để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

18/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	35.90	35-36	40-41	34	26.2	1.3%	1.6%	Theo dõi giải ngân
PLX	47.50	41-42	54-55	38	18.5	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
POW	14.20	13.5-14.1	17.5-18.5	13	40.6	-15.9%	-48.0%	Theo dõi giải ngân
LHG	43.75	36.5-37	44-45	35	14.6	-34.1%	-38.0%	Theo dõi giải ngân
DPR	43.15	40.7-42.5	46-47	39	18.4	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CNG	35.35	34.3-35.2	40-42	32	15.3	-14.6%	-94.2%	Theo dõi giải ngân
BWE	42.50	39-41	48-50	24	13.2	16.3%	27.3%	Theo dõi giải ngân
DRC	35.50	31-33	38-39	30	15.5	-12.5%	93.8%	Theo dõi giải ngân
FPT	127.90	115-120	137-140	110	24.0	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân
TIP	26.00	25-26	30-32	24	8.0	20.8%	120.6%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	24.90	23	26.5-27.5	23	8.3%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	16.56	16.8	26-28	17.2	-1.4%	Nắm giữ
7/2/2024	BSR	22.75	22	26-28	22.2	3.4%	Nắm giữ
18/7/2024	POW	14.20	13.85	17.5-18.5	13	2.5%	Mua
7/2/2024	DPM	35.90	35.2	40-41	33.5	2.0%	Mua

TIN VĨ MÔ

6 tháng đầu năm kiều hối về TP.HCM đạt gần 5,2 tỷ USD

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Chi nhánh TP.HCM cho biết, kiều hối chuyển về TP. HCM 6 tháng đầu năm 2024 đạt 5,178 tỷ USD, bằng 54,7% so với cả năm 2023 và tăng 19,5% so với cùng kỳ. Tính riêng quý II/2024, kiều hối chuyển về đạt 2,309 tỷ USD, giảm 19,5% so với quý I/2024, nhưng vẫn tăng 4,2% so với quý II/2023. Trong đó, kiều hối chuyển về từ khu vực châu Á vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 56,1% và tăng 48,5% so với cùng kỳ.

Phó Thống đốc nói gì về chính sách lãi suất 0% đối với USD?

Theo đó, NHNN đã áp dụng trần lãi suất tiền gửi USD 1%/năm đối với tổ chức vào năm 2010 và 3%/năm đối với cá nhân năm 2011 và điều chỉnh giảm dần về mức 0%/năm từ cuối năm 2015. Theo Phó Thống đốc, việc áp dụng chính sách lãi suất USD 0% là một trong các giải pháp đồng bộ mà NHNN triển khai để ổn định thị trường ngoại hối, neo kỷ vọng tỷ giá và nâng cao vị thế VND. Nhờ chính sách này, tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định. Tỷ lệ đô la hóa trong nền kinh tế giảm mạnh (tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán giảm từ mức 11,06% năm 2014 xuống khoảng 6,05% tính đến tháng 6/2024; tín dụng ngoại tệ/tổng tín dụng có xu hướng giảm). Lạm phát được kiểm soát giảm mạnh từ hai con số xuống một con số và duy trì ở mức thấp, nâng tầm giá trị VND và chuyển hóa nguồn lực USD trong dân thành nguồn vốn phục vụ nền kinh tế.

Bộ Tài chính kiến nghị không giảm 50% phí trước bạ ô tô trong nước

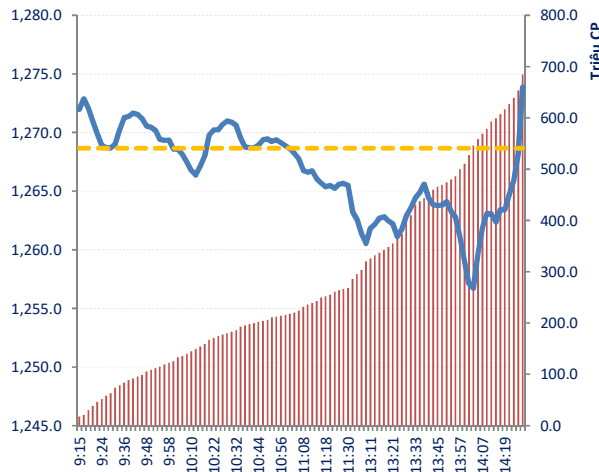
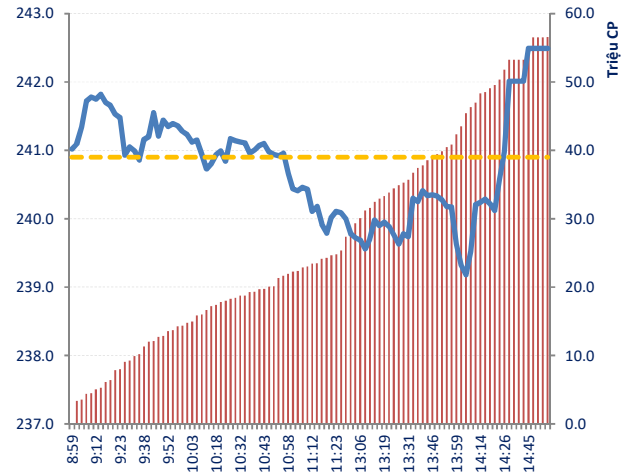
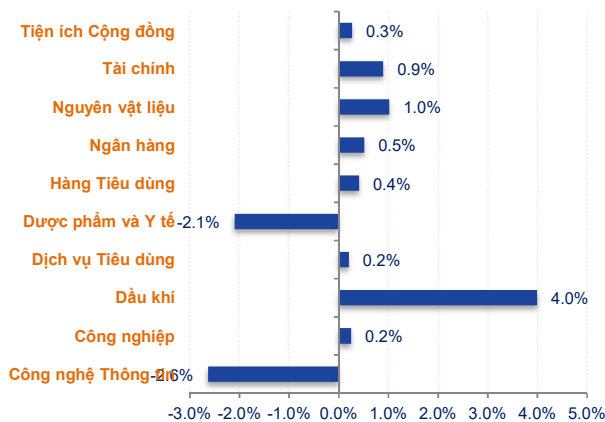
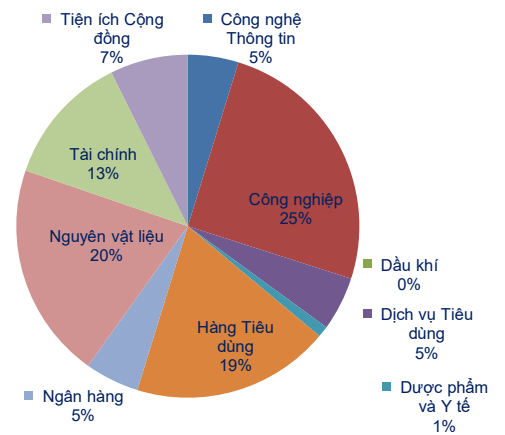
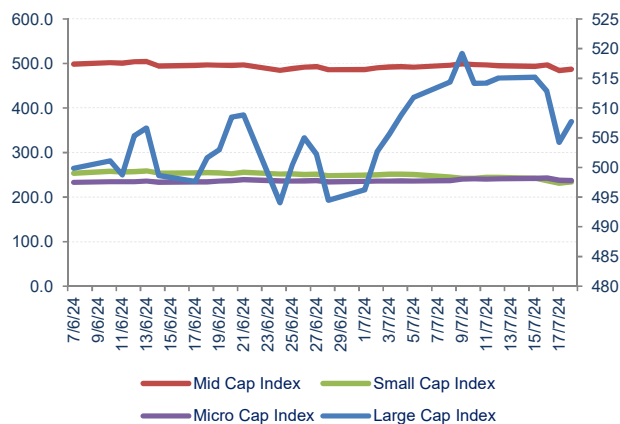
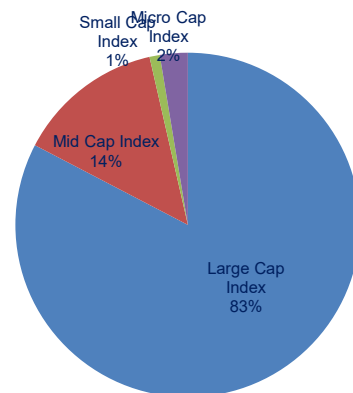
Bộ Tài chính đánh giá cụ thể tác động của việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước, việc vi phạm các cam kết quốc tế và đề xuất hai phương án: Phương án 1: cân nhắc không thực hiện giảm mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước. Phương án 2: giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước trong 6 tháng. Trên cơ sở phân tích ưu, nhược điểm của từng phương án, Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ thực hiện theo phương án 1. Theo bộ này, việc không giảm thuế trước bạ sẽ tuân thủ quy định theo nguyên tắc đối xử quốc gia trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các hiệp định thương mại tự do (FTA).

Ông Trump gây áp lực lên Fed khi khả năng cắt giảm lãi suất đến gần: “Đó là điều họ biết không nên làm”

Cụ thể trong cuộc phỏng vấn ngày 16/7 với báo giới, ông Trump một lần nữa nhắc lại rằng các quan chức ngân hàng trung ương không nên nói lung tung chính sách tiền tệ trước cuộc bầu cử tháng 11. “Đó là điều mà họ biết mình không nên làm”, ông Trump nói. Phản ứng của ông Powell trước làn sóng áp lực chính trị mới là tiếp tục nhắc lại quan điểm tiếp cận độc lập, phi chính trị, vốn được đưa ra xuyên suốt năm 2024. Ông nhấn mạnh tiêu chí quan trọng duy nhất đối với ông là dữ liệu giá cả và việc làm. Ông Powell cho biết đây là cuộc bầu cử tổng thống thứ tư trong thời gian ông làm việc tại Fed. Vì thế, ông vẫn sẽ làm công việc của mình. Khi được hỏi liệu ông có ý định ở lại đến hết nhiệm kỳ chủ tịch vào tháng 5/2026 hay không, ông đã trả lời chỉ một từ: “Có”.

	TIN DOANH NGHIỆP
Hơn 4.000 người ký tên xin giảm án cho ông Trịnh Văn Quyết	<p>Theo thông tin và tài liệu các luật sư cung cấp, hôm 9/7/2024, bà Lê Thị Ngọc Diệp - vợ ông Trịnh Văn Quyết đã thay mặt chồng nộp khắc phục hậu quả thêm 23 tỷ đồng.</p> <p>Ngày 22/7, Toán án Nhân dân thành phố Hà Nội sẽ đưa ra xét xử ông Trịnh Văn Quyết - Chủ tịch Tập đoàn FLC và những bị cáo liên quan đến vụ án "Thao túng thị trường chứng khoán" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Phiên tòa có khoảng 100 luật sư bào chữa cho các bị cáo.</p> <p>Trước phiên xét xử, các luật sư cho biết, đến nay, ông Quyết vẫn luôn giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu các luật sư khi bào chữa không đưa nội dung mang tính chất phản biện, phủ nhận trực tiếp đối với các hành vi của ông Quyết đã được xác định tại kết luận điều tra và cáo trạng, chỉ tập trung trình bày các lý do khách quan, đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để được hưởng sự khoan hồng.</p>
DRC: Lợi nhuận sau thuế quý II/2024 của DRC tăng 52% so với cùng kỳ	<p>Theo công bố bất thường của CTCP Cao su Đà Nẵng (mã chứng khoán DRC) gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE), lợi nhuận sau thuế quý II/2024 của DRC đạt 26,5 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2023.</p> <p>Tổng Giám đốc DRC Lê Hoàng Khánh Nhựt cho biết, lợi nhuận quý II của DRC tăng mạnh là nhờ Công ty đẩy mạnh chính sách bán hàng làm tăng doanh thu tiêu thụ. Đồng thời, tỷ giá hối đoái tăng cao từ đầu năm, góp phần giúp DRC nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu.</p>
NT2: Có lãi trở lại sau quý lỗ kỷ lục	<p>Theo báo cáo tài chính quý 2/2024 vừa công bố, CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (mã NT2) mang về doanh thu 2.186 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn bán hàng tăng mạnh hơn nên lợi nhuận công ty giảm gần 20% so với cùng kỳ, đạt 130 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp đạt 5,9%, so với cùng kỳ đạt 7,4%. Kết quả, NT2 báo lãi sau thuế hơn 122 tỷ đồng, giảm 15% so với quý 2/2023. Mặc dù vậy, so với quý 1/2024 lỗ kỷ lục 158 tỷ đồng thì kết quả này đã thể hiện sự hồi phục tích cực.</p> <p>Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, NT2 mang về tổng doanh thu 2.448 tỷ đồng, giảm 44% so với nửa đầu năm ngoái; lợi nhuận sau thuế âm 36 tỷ đồng, so với cùng kỳ lãi 378 tỷ đồng.</p>
VHC: Tăng trưởng doanh thu 23% lên 6 nghìn tỷ nhờ sản lượng phục hồi	<p>CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) công bố kết quả kinh doanh sơ bộ 6 tháng 2024 với doanh thu tăng 23% so cùng kỳ khi đạt 6 nghìn tỷ đồng.</p> <p>Nguyên nhân chủ yếu nhờ doanh số phi lê cá tra đông lạnh và các sản phẩm liên quan tăng 23% so cùng kỳ, cùng với doanh số bán collagen và gelatin (C&G) tăng 32%.</p> <p>Mức giảm doanh thu 9% so với tháng trước trong tháng 6 chủ yếu là do yếu tố mùa vụ khi nhu cầu cá tra của Mỹ thường yếu vào thời điểm giữa năm trong khi đạt đỉnh điểm vào mùa Giáng sinh (tháng 11-12) và mùa chay (tháng 3-4).</p> <p>Dựa trên dữ liệu của AgroMonitor, VCSC ước tính giá bán trung bình phi lê cá tra của VHC giảm còn 2,9-3,0 USD/kg (-20% so cùng kỳ) do chi tiêu thận trọng của người tiêu dùng toàn cầu trong nửa đầu năm 2024.</p>

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	19,858,736	FPT	2,731,595
2	STB	11,391,400	VND	2,018,750
3	POW	3,038,215	VPB	1,817,800
4	SAB	3,015,920	MSN	1,726,795
5	MWG	2,035,503	SHB	940,440

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TNG	181,800	PVI	1,500,000
2	IDC	172,000	TIG	118,700
3	PVS	129,919	TVC	78,400
4	HUT	94,400	HOM	70,000
5	SHS	81,400	NVB	32,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MBB	24.50	24.90	↑ 1.63%	40,243,000
HDB	25.20	25.10	↓ -0.40%	37,765,736
SHB	11.85	11.45	↓ -3.38%	22,804,366
STB	30.40	30.60	↑ 0.66%	21,855,700
HPG	28.20	28.40	↑ 0.71%	20,987,442

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.10	17.20	↑ 0.58%	6,119,164
PVI	55.20	55.40	↑ 0.36%	4,553,901
CEO	16.90	17.10	↑ 1.18%	2,950,993
MBS	34.30	35.00	↑ 2.04%	2,802,516
PVS	41.50	42.40	↑ 2.17%	2,189,444

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CNG	33.05	35.35	2.30	↑ 6.96%
YEG	10.20	10.90	0.70	↑ 6.86%
HBC	7.60	8.10	0.50	↑ 6.58%
DXS	5.45	5.80	0.35	↑ 6.42%
CSV	36.40	38.70	2.30	↑ 6.32%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAS	24.40	26.60	2.20	↑ 9.02%
APS	7.10	7.70	0.60	↑ 8.45%
DC2	7.50	8.10	0.60	↑ 8.00%
VE8	5.10	5.50	0.40	↑ 7.84%
VE3	7.90	8.50	0.60	↑ 7.59%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSI	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%
FDC	15.10	14.05	-1.05	↓ -6.95%
PDN	122.50	114.30	-8.20	↓ -6.69%
TMP	71.90	67.10	-4.80	↓ -6.68%
SFG	13.55	12.65	-0.90	↓ -6.64%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BXH	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
PHN	80.00	72.00	-8.00	↓ -10.00%
NAP	11.30	10.20	-1.10	↓ -9.73%
TXM	14.40	13.00	-1.40	↓ -9.72%
CAN	40.50	36.60	-3.90	↓ -9.63%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	40,243,000	21.5%	3,854	6.4	1.3
HDB	37,765,736	24.7%	3,827	6.6	1.5
SHB	22,804,366	15.6%	2,147	5.5	0.8
STB	21,855,700	17.7%	4,206	7.2	1.2
HPG	20,987,442	9.2%	1,455	19.4	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	6,119,164	5.7%	688	24.9	1.3
PVI	4,553,901	0.6%	201	275.2	1.5
CEO	2,950,993	2.8%	365	46.3	1.4
MBS	2,802,516	14.4%	1,687	20.3	2.8
PVS	2,189,444	7.1%	1,992	20.8	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CNG	↑ 7.0%	14.1%	2,313	14.3	1.9
YEG	↑ 6.9%	3.5%	393	26.0	1.0
HBC	↑ 6.6%	-75.7%	(995)	-	14.0
DXS	↑ 6.4%	-1.2%	(171)	-	0.4
CSV	↑ 6.3%	13.3%	1,748	20.8	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LAS	↑ 9.0%	14.3%	1,797	13.6	1.9
APS	↑ 8.5%	-24.3%	(2,336)	-	0.7
DC2	↑ 8.0%	1.9%	204	36.7	0.7
VE8	↑ 7.8%	-238.9%	(6,839)	-	13.1
VE3	↑ 7.6%	2.0%	286	27.6	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	19,858,736	24.7%	3,827	6.6	1.5
STB	11,391,400	17.7%	4,206	7.2	1.2
POW	3,038,215	2.4%	350	39.8	1.0
SAB	3,015,920	16.0%	3,234	16.7	2.6
MWG	2,035,503	4.4%	717	88.6	3.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	181,800	12.5%	1,835	13.4	1.5
IDC	172,000	31.7%	5,880	9.9	3.0
PVS	129,919	7.1%	1,992	20.8	1.4
HUT	94,400	0.7%	97	174.8	1.3
SHS	81,400	5.7%	688	24.9	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	491,840	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	273,621	18.1%	3,841	12.5	2.1
FPT	192,633	22.8%	4,641	28.4	5.3
HPG	180,374	9.2%	1,455	19.4	1.6
GAS	179,146	16.4%	4,688	16.6	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,836	7.1%	1,992	20.8	1.4
IDC	19,305	31.7%	5,880	9.9	3.0
HUT	15,173	0.7%	97	174.8	1.3
MBS	15,011	14.4%	1,687	20.3	2.8
SHS	13,905	5.7%	688	24.9	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

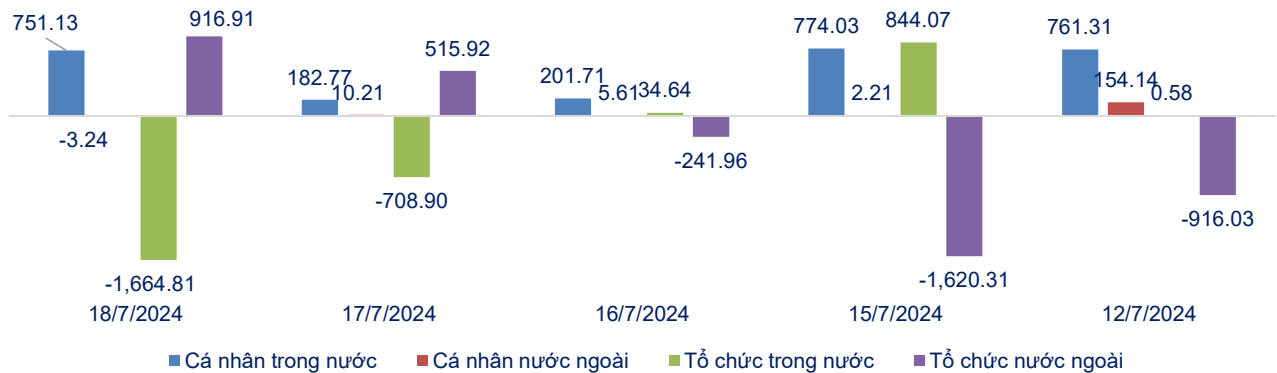
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.76	14.8%	1,769	22.9	2.3
FIR	2.74	1.9%	223	31.6	0.6
AGM	2.68	-163.0%	(11,336)	-	10.5
RDP	2.59	4.1%	444	8.9	0.6
NHA	2.57	4.0%	406	70.3	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.16	9.2%	1,214	18.9	1.8
IDJ	3.08	5.0%	584	10.8	0.5
API	2.95	-6.9%	(772)	-	0.7
MCO	2.83	0.8%	97	178.6	1.3
CMS	2.73	0.7%	85	225.7	1.8

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	377.94	22.8%	4,641	28.4	5.3
MSN	200.87	0.8%	213	337.2	2.6
MBB	103.51	21.5%	3,854	6.4	1.3
VHM	66.16	12.1%	5,074	7.4	0.8
TVS	48.98	15.2%	1,916	12.4	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HVN	-56.22	0.0%	(642)	-	-
MWG	-55.36	4.4%	717	88.6	3.6
POW	-41.90	2.4%	350	39.8	1.0
CTG	-36.99	16.2%	3,751	8.8	1.4
SBT	-34.15	5.7%	813	15.1	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	2.48	7.0%	1,252	15.2	1.0
MWG	1.62	4.4%	717	88.6	3.6
TV2	1.41	4.2%	828	43.0	1.8
HSG	1.35	8.1%	1,423	16.7	1.3
SSI	1.09	11.1%	1,701	20.1	2.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-5.27	12.0%	1,966	10.0	1.2
POW	-3.22	2.4%	350	39.8	1.0
FPT	-2.97	22.8%	4,641	28.4	5.3
VTP	-1.93	23.2%	2,981	26.8	6.0
DIG	-1.65	-0.3%	(38)	-	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BCM	22.10	13.3%	2,384	28.3	3.6
BID	19.78	18.1%	3,841	12.5	2.1
E1VFN30	14.14	N/A	N/A	N/A	N/A
GAS	12.91	16.4%	4,688	16.6	2.6
SBT	12.70	5.7%	813	15.1	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-458.18	24.7%	3,827	6.6	1.5
STB	-317.84	17.7%	4,206	7.2	1.2
SAB	-175.98	16.0%	3,234	16.7	2.6
SCS	-108.89	38.4%	5,241	16.8	6.0
MBB	-95.96	21.5%	3,854	6.4	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	465.62	24.7%	3,827	6.6	1.5
STB	322.75	17.7%	4,206	7.2	1.2
SAB	161.47	16.0%	3,234	16.7	2.6
MWG	129.03	4.4%	717	88.6	3.6
SCS	106.34	38.4%	5,241	16.8	6.0

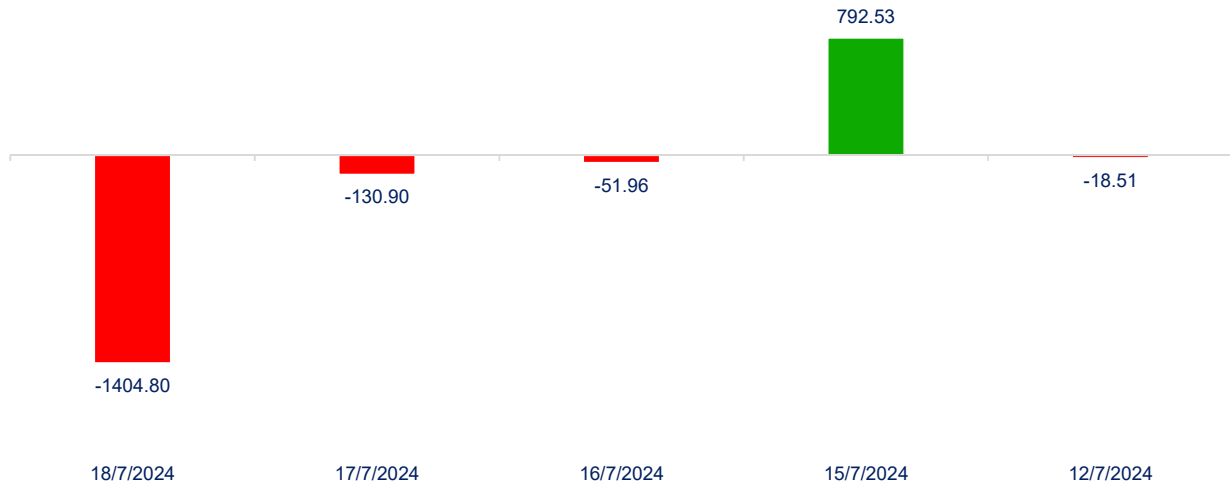
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-349.10	22.8%	4,641	28.4	5.3
MSN	-122.69	0.8%	213	337.2	2.6
DGC	-35.28	24.6%	7,884	15.7	3.8
VPB	-34.89	8.9%	1,525	12.5	1.1
VHM	-32.91	12.1%	5,074	7.4	0.8

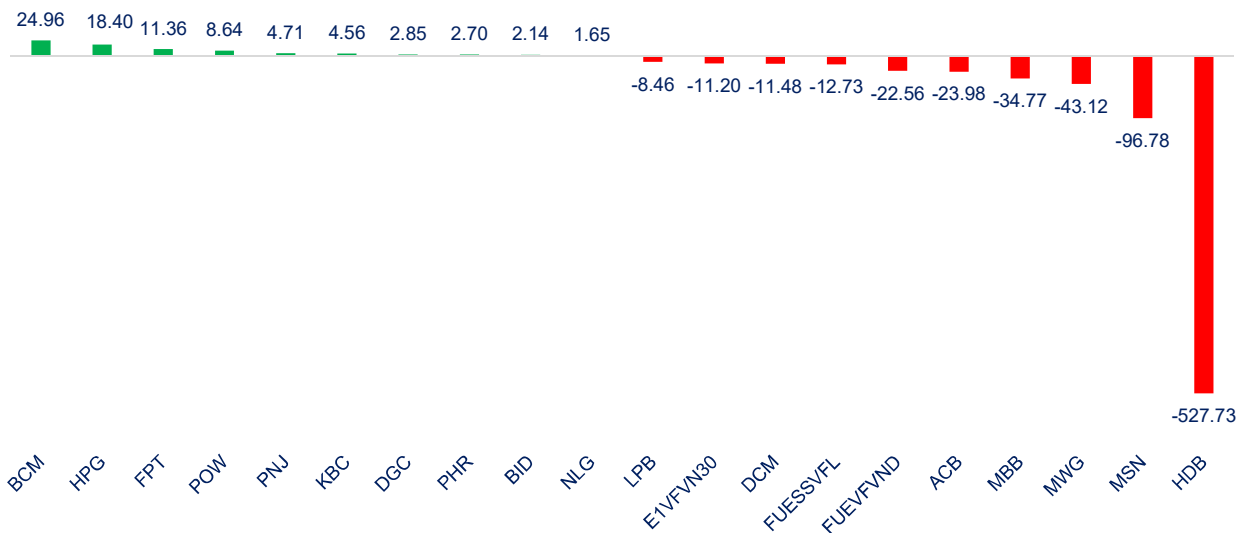


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhatt.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
